

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KIẾN THỤY**

BÁO CÁO CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 243/BC-UBND ngày 22/6/2026 của UBND xã Kiến Thụy)

STT	Nội dung	DT GIAO	Ước T6	Ước TH 6T	So sánh
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	318,741.00	31,579.00	146,481.00	45.96
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	318,741.00	31,579.00	146,481.00	45.96
	Trong đó:				
I	Chi đầu tư phát triển	32,800.00	5,268.00	15,580.00	47.50
1	Chi đầu tư cho các dự án				
	Trong đó:				
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		5,268	13,780	
1.2	Chi khoa học và công nghệ			-	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình			-	
1.4	Chi văn hóa thông tin			-	
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn			-	
1.6	Chi thể dục thể thao			-	
1.7	Chi bảo vệ môi trường			-	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế			1,800	
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà			-	
1.10	Chi bảo đảm xã hội				
2	Chi đầu tư phát triển khác	32,800.00			
II	Chi thường xuyên	279,574.00	25,811.00	130,401.00	46.64
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	151,069.00	15,327	71,874	47.58
2	Chi khoa học và công nghệ	357.00	140	140	39.22
3	Chi An ninh	2,473.00	317	1,198	48.44
4	Chi quốc phòng	2,914.00	441	2,105	72.24
5	Chi y tế, dân số và gia đình	6,764.00	735	3,198	47.28
6	Chi văn hóa thông tin	5,399.00	185	1,135	21.02
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	351.00	100	148	42.17
8	Chi thể dục thể thao	400.00	15.0	179	44.75
9	Chi bảo vệ môi trường	1,742.00	80	563	32.32
10	Chi các hoạt động kinh tế	16,028.00	2,500	3,734	23.30
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	36,117.00	3,100	24,218	67.05
12	Chi bảo đảm xã hội	54,539.00	2,751	21,359	39.16
13	Chi khác	1,421.00	120	550	38.71
III	Dự phòng ngân sách	6,367.00	500	500	7.85
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
B	Chi viện trợ				
C	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu				